

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 85/2024/QĐST-HNGĐ

Tuy An, ngày 01 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN - TỈNH PHÚ YÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hải và ông Trần Sáu

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ thụ lý số 31/2024/TLST– HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024

XÉT THẤY

Xét thấy: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Danh T – Luật sư, Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn*: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1976

Địa chỉ: thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn (phần yêu cầu chia tài sản chung): Ông Phùng Quang M, sinh năm 1998

Địa chỉ: thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1981

Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1982

Đều địa chỉ: phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn P và bà Đinh Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Con Đinh Phạm Ánh T, sinh ngày 09/08/2003 đã trưởng thành có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết; Giao con Phạm Đình Anh P, sinh ngày 08/10/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; Ông P cấp dưỡng nuôi

con mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 08/2024. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung:

Giao cho bà Đinh Thị T quản lý, sử dụng: Thửa đất số 297, tờ bản đồ số 03 (đo đạc năm 2012), diện tích 868,2m², tọa lạc tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX669808 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh P cấp ngày 03/02/2021.

Giao cho ông Phạm Văn P quản lý, sử dụng: Thửa đất số 296, tờ bản đồ số 03 (đo đạc năm 2012), diện tích 654,5m², tọa lạc tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX669807 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh P cấp ngày 03/02/2021.

Giao cho bà Đinh Thị T quản lý, sử dụng: Đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 418, tờ bản đồ số 13, diện tích 262 m², tọa lạc tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ536518 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 30/07/2013.

Bà Đinh Thị T có nghĩa vụ thanh toán một lần cho ông Phạm Văn P số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) giá trị tài sản nhà, đất tại thửa 418 và giao lại cho ông Phạm Văn P Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX669807 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh P cấp ngày 03/02/2021 của thửa số 296, tờ bản đồ số 03 (đo đạc năm 2012), diện tích 654,5m².

Bà T và ông P có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để thực hiện các thủ tục về quản lý đất đai theo qui định pháp luật.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử đối với phần bị đơn yêu cầu nguyên đơn cùng liên đới trả số tiền 1.150.000.000 đồng, (trong đó trả cho bà Lê Thị Mỹ C số tiền 650.000.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 500.000.000 đồng).

Về án phí: Ông Phạm Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 15.702.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông P đã tạm ứng 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0010650 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An nên còn phải nộp 16.002.000 đồng; Bà Đinh Thị phải chịu 15.702.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: 20.000.000 đồng, ông P và bà T mỗi người phải chịu 10.000.000 đồng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 03 thửa đất: 5.000.000 đồng; chi phí đo vẽ các thửa đất và định giá tài sản: 15.000.000 đồng). Ông P đã tạm ứng đủ nên bà T phải hoàn trả lại cho ông P số tiền 10.000.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong